

Đề kiểm tra có 02 trang

A. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu 1. Trong các số sau, số nào là số tự nhiên?

- A. 4,3 B. 76 C. $\frac{2}{5}$ D. -17

Câu 2. Chữ số thích hợp ở dấu * để số $\overline{1*4}$ chia hết cho 9 là:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 3. Số đối của số 18 là:

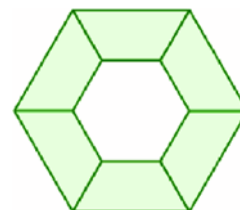
- A. 0 B. 18 C. -18 D. 9.

Câu 4. Tập hợp $U(10)$ là:

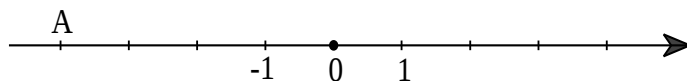
- A. $U(10) = \{0; 2; 5; 10\}$ B. $U(10) = \{1; 2; 3; 5; 10\}$
C. $U(10) = \{1; 2; 5; 10\}$ D. $U(10) = \{0; 1; 2; 5; 10\}$

Câu 5. Hình dưới đây có bao nhiêu hình thang cân, bao nhiêu hình lục giác đều?

- A. 6 hình thang cân; 2 hình lục giác đều.
B. 3 hình thang cân; 2 hình lục giác đều.
C. 6 hình thang cân; 1 hình lục giác đều.
D. 3 hình thang cân; 1 hình lục giác đều.



Câu 6. Điểm A trong hình dưới đây biểu diễn số nguyên nào?



- A. 4 B. -4 C. -5 D. -3

Câu 7: Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào **không phải** là số liệu?

- A. Những môn học có điểm tổng kết trên 8,0 của bạn An
B. Số học sinh của các trường Trung học cơ sở trong Thành phố Thủ Đức.
C. Số học sinh đi học bằng xe đạp của 23 lớp trong trường THCS Long Trường
D. Chiều cao của các học sinh tổ 1 lớp 6A (đơn vị cm)

Câu 8: Điểm kiểm tra môn Toán cuối học kì 1 của lớp 6A được ghi lại trong bảng dữ liệu sau:

8	9	10	5	6	8	9	7	10	5
10	9	8	6	5	7	8	10	6	7
6	10	9	8	9	10	7	5	9	7

Em hãy cho biết có bao nhiêu bạn được điểm 10?

A. 5

B. 6

C. 7

D. 8

Câu 9. Phân tích số 45 ra thừa số nguyên tố ta được kết quả đúng là

A. 9.5

B. $3^2.5$

C. 45.1

D. 15.3

Câu 10: Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự giảm dần: -3; 15 ; 0; -2023

A. 15; 0; -3; -2023

B. 0; -3; 15; -2023

C. -2023; -3; 0; 15

D. -2023; -3; 15; 0

Câu 11. Kết quả của phép tính $12 + (-13)$ là:

A. 25

B. -25

C. 1

D. -1

Câu 12. Một người muốn cắt một miếng bìa hình chữ nhật có chiều dài 84cm, chiều rộng 72cm thành những mảnh hình vuông nhỏ bằng nhau sao cho tấm bìa được cắt hết không thừa mảnh nào. Tìm độ dài lớn nhất của cạnh hình vuông?

A. 6dm

B. 6cm

C. 12cm

D. 12dm

B. TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $18 + 12 : 6$

c) $60 : [7 \cdot (9^{100} : 9^{98} - 20 \cdot 4) + 5]$

b) $3 \cdot 4^2 - 5 \cdot 2^3 + 2 \cdot 11$

d) $(-115) + 32 + 15 + 68$

Bài 2. (1,5 điểm) Tìm x biết:

a) $56 : (x + 5) = 8$

b) $25x - 14 = 86$

c) $x + 5 = -11$

Bài 3. (1 điểm) Một tòa nhà có 12 tầng và 3 tầng hầm (tầng G được đánh số là tầng 0). Một thang máy đang ở tầng 3, nó đi lên 9 tầng và sau đó đi xuống 14 tầng. Hỏi sau cùng thang máy dừng lại ở tầng mấy?

Bài 4. (1,5 điểm) Một sân bóng đá hình chữ nhật có chiều rộng 45m và chiều dài gấp đôi chiều rộng.

a) Tính diện tích của sân bóng đá?

b) Người ta dự định phủ đều lên mặt sân bóng này một lớp cỏ nhân tạo có giá 125 000 đồng/m².

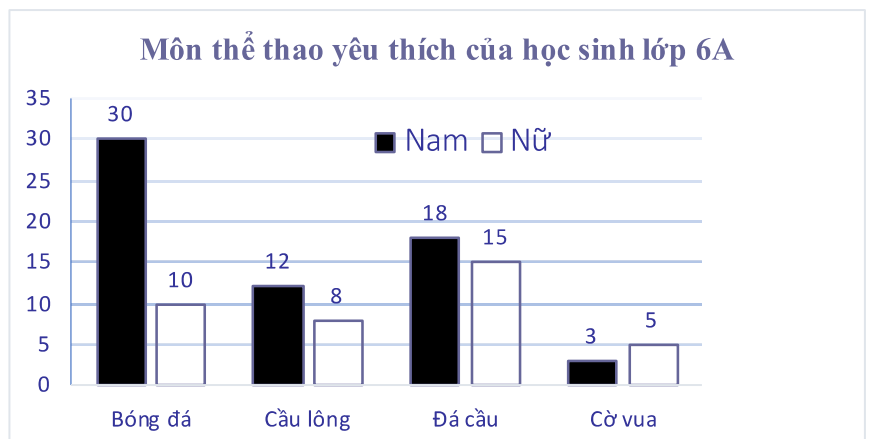
Hỏi cần bao nhiêu tiền để mua cỏ nhân tạo?



Bài 5: (1 điểm) Cho biểu đồ cột kép biểu diễn các môn thể thao yêu thích của học sinh lớp 6A. Từ biểu đồ bên em hãy cho biết:

a) Học sinh nữ thích môn thể thao nào nhất?

b) Môn thể thao nào học sinh nữ thích nhiều hơn học sinh nam và nhiều hơn bao nhiêu học sinh?



HƯỚNG DẪN CHẤM

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	D	C	C	C	B	A	B	B	A	D	C

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài	Nội dung đáp án	Điểm
1 (2đ)	a) $18 + 12 : 6 = 18 + 2 = 20$	0,25 + 0,25
	b) $3 \cdot 4^2 - 5 \cdot 2^3 + 2 \cdot 11$ $= 3 \cdot 16 - 5 \cdot 8 + 2 \cdot 11$ $= \dots$ $= 30$	0,25 0,25
	c) $60 : [7 \cdot (9^{100} : 9^{98} - 20 \cdot 4) + 5]$ $= 60 : [7 \cdot (9^2 - 20 \cdot 4) + 5]$ $= \dots$ $= 5$	0,25 0,25
	d) $(-115) + 32 + 15 + 68$ $= (-115 + 15) + (32 + 68)$ $= \dots$ $= 0$	0,25 0,25
2 (1,5đ)	a) $56 : (x + 5) = 8$ $x + 5 = 7$ $x = 2$	0,25 0,25
	b) $25x - 14 = 86$ $25x = 100$ $x = 4$	0,25 0,25
	c) $x + 5 = -11$ $x = (-11) - 5$ $x = -16$	0,25 0,25
3 (1đ)	Ta có: $3 + 9 - 14 = -2$ Vậy sau cùng thang máy dừng lại ở tầng hầm thứ hai	0,5 0,5
4 (1,5đ)	a) Chiều dài của sân bóng đá: $45 \cdot 2 = 90$ (m) Diện tích của sân bóng đá: $45 \cdot 90 = 4050$ (m ²)	0,5 0,5
	b) Cần số tiền để mua cỏ nhân tạo: $4050 \cdot 125\,000 = 506\,250\,000$ (đồng)	0,5
5 (1đ)	a) Học sinh nữ thích môn bóng đá cầu nhất. b) Môn cờ vua học sinh nữ thích nhiều hơn học sinh nam và nhiều hơn số học sinh là: $5 - 3 = 2$ (học sinh)	0,5 0,25 + 0,25

Học sinh có cách giải khác chính xác giáo viên cho trọn điểm